

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LỘC  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST  
Ngày: 28-5-2019  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Thị Thúy

Bà Vũ Thị May

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số 89, phố LH, phường X, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân. (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02-3-2018). Vắng mặt.

Người được ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại:

+ Ông Lý Viết T - Cán bộ xử lý nợ. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Minh C - Cán bộ xử lý nợ. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc L - Cán bộ xử lý nợ. Có mặt.  
(Văn bản ủy quyền số 4361/2018/UQ-VPB ngày 18-12-2018).

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1984;

Hộ khẩu thường trú: Số 4, phố A, khu 3, thị trấn Z, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số 219, đường N, thị trấn Z, huyện G, tỉnh Hải Dương.  
Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-12-2018 và trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 21-6-2016, chị Đỗ Thị N vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 52.500.000 đồng theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn số 20160623-101066-4572 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), khoản vay không có tài sản bảo đảm, lãi suất 42%/năm, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để kinh doanh. Phương thức trả gốc và lãi: chị N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi vào ngày 24 hàng tháng theo lịch trả nợ kèm theo. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị N thanh toán được số tiền nợ gốc là 16.621.651 đồng, tiền lãi 27.930.954 đồng.

Do chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 24-11-2017, đến ngày 28-5-2019 (ngày xét xử sơ thẩm), chị N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 35.878.349 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn là 34.291.259 đồng và 18.911.905 đồng tiền phạt chậm trả. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu buộc chị N thanh toán khoản tiền phạt chậm trả phát sinh từ ngày 24-11-2017 đến khi chị N thanh toán hết các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu chị N phải thanh toán là tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 28-5-2019 là 70.169.608 đồng. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, chị N còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc đến khi thanh toán hết các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng không yêu cầu chồng chị N là anh Nguyễn Văn H phải liên đới thanh toán trả nợ cho Ngân hàng vì không liên quan.

*Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn chị Đỗ Thị N trình bày:*

Tháng 6 năm 2016, chị có vay của Ngân hàng số tiền 52.500.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, khoản vay không có tài sản bảo đảm, thời hạn vay 36 tháng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng với Ngân hàng, nhân viên của Ngân hàng là anh O đã giải thích với chị về lãi suất cho vay là 1,2%/tháng. Việc ký kết hợp đồng vay chỉ có chị và anh O làm việc với nhau, không có ai chứng kiến. Trong hợp đồng chị đã ký kết với Ngân hàng thì để trống phần lãi suất, còn các mục khác đều điền đầy đủ thông tin. Chị đã đọc hợp đồng nhưng không đọc kỹ nên không nhớ nội dung của bản hợp đồng. Chị xác định chữ ký và họ tên trong hợp đồng đúng là chữ ký, chữ viết của chị. Một tuần sau khi ký kết hợp đồng vay, chị nhận được thông báo của Ngân hàng thể hiện lãi suất là 42%/năm. Sau khi Ngân hàng giải ngân khoảng 3 tuần, chị định trả trước toàn bộ số nợ vì lãi suất quá cao thì nhân viên ngân hàng nói nếu chị trả trước thì sẽ bị phạt phá vỡ hợp đồng. Do đó, chị vẫn tiếp tục trả nợ gốc và lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 16.621.651 đồng, tiền lãi 27.930.954 đồng. Từ đó đến nay, chị không thanh toán thêm khoản nào cho Ngân hàng. Đến nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị thanh toán số tiền nợ gốc còn lại, các khoản tiền lãi phát sinh, tiền phạt chậm trả thì chị chỉ đồng ý trả tiền gốc, về tiền lãi thì chị chỉ đồng ý theo mức lãi suất 1,2%/ tháng. Việc chị vay nợ Ngân hàng để kinh doanh thì chồng chị không biết, chị cũng không bàn bạc gì với chồng, xác định đây là khoản vay riêng, không liên quan đến chồng chị là anh Nguyễn Văn H.

*Người làm chứng anh Nguyễn Hải O trình bày:*

Anh khẳng định các trình tự, thủ tục tư vấn cho khách hàng vay tiền và ký kết Hợp đồng tín dụng thì anh đều làm đúng quy định. Anh có giải thích cho chị N về các khoản tiền vay, lãi suất cho vay. Khi chị N đồng ý vay tiền, anh điền các thông tin vào Hợp đồng tín dụng, sau đó đưa khách hàng đọc lại và ký vào hợp đồng. Sau khi làm xong các thủ tục, anh chuyển toàn bộ hồ sơ đã ký kết với khách hàng về Ngân hàng để Ngân hàng phê duyệt hồ sơ. Sau đó, cán bộ thẩm định làm việc với chị N để thẩm định lại về khoản tiền cho vay đồng thời thông báo về lãi suất của khoản vay. Nếu đủ điều kiện thì Ngân hàng sẽ tiến hành giải ngân cho khách hàng. Anh khẳng định không có sự việc anh nói với chị N lãi suất 1,2%/tháng. Sau khi anh đã điền đầy đủ thông tin vào hợp đồng, không bỏ trống thì anh đã đưa cho chị N tự đọc lại và ký vào hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 121, 122, 124, 290, 292, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về nội dung yêu cầu chị N thanh toán tiền phạt chậm trả phát sinh từ ngày 24-11-2017 đến khi chị N thanh toán hết các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V. Buộc chị Đỗ Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28-5-2019 là: nợ gốc 35.878.349 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn 34.291.259 đồng, tổng là 70.169.608 đồng. Kể từ ngày 29-5-2019 cho đến khi thi hành án xong, chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20160623-101066-4572.

Về án phí: Chị N phải chịu 3.508.480 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 1.450.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 21-6-2016, chị N ký Hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng,

mục đích sử dụng vốn vay để kinh doanh, tuy nhiên chị N không có đăng ký kinh doanh. Do bên vay tiền là chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị N trả nợ tiền gốc, tiền lãi, phạt chậm trả theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, chị N cư trú tại huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương nên theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị N thanh toán khoản tiền phạt chậm trả phát sinh từ ngày 24-11-2017 đến khi chị N thanh toán hết các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

Xét Hợp đồng tín dụng số 20160623-101066-4572: Ngày 21-6-2016, chị N vay Ngân hàng số tiền 52.500.000 đồng, Ngân hàng giải ngân bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của chị N tại Ngân hàng. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, giữa bên cho vay Ngân hàng và bên vay tiền chị N thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các điều 121, 122, 124 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Chị N cho rằng lãi suất theo hợp đồng đối với khoản vay là 1,2%/tháng nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng và chị N thì lãi suất thể hiện trong hợp đồng là 42%/năm. Mức lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*, phù hợp với Thông báo số 05/2016/TB-HB ngày 24-5-2016 của Ngân hàng về chính sách giá sản phẩm cho vay không tài sản bảo đảm áp dụng đối với khách hàng cá nhân thuộc khối tín dụng tiêu thương, trong đó chị N thuộc trường hợp khách hàng không có đăng ký kinh doanh hoặc không có nhà sở hữu thì mức lãi suất cho vay tối thiểu là 42%/năm. Nếu không đồng ý với nội dung được Ngân hàng phê duyệt về số tiền cho vay, lãi suất thì chị N phải có ý kiến

phản hồi. Nhưng sau khi nhận được Lịch trả nợ và Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay, chị N không có ý kiến gì về lãi suất, tiếp tục trả nợ gốc và lãi, đến ngày 24/11/2017 mới vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ theo Mục 5 Phần V Hợp đồng tín dụng thì bằng việc giải ngân vốn vay từ Ngân hàng, chị N xác nhận và đồng ý chịu ràng buộc với Ngân hàng theo toàn bộ nội dung chấp thuận cho vay của Ngân hàng. Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để xác định mức lãi suất cho vay của Ngân hàng đối với khoản vay của chị N là 42%/năm.

Đối chiếu với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, lịch trả nợ, Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì chị N đã vi phạm về thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại Mục 7 Phần V Hợp đồng tín dụng và Điều 4 Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử nên Ngân hàng yêu cầu chị N phải trả số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và quá hạn là có căn cứ. Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thông tin dư nợ về khoản tiền vay của chị N phải trả từ thời điểm phát sinh khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28-5-2019 thì số tiền chị N còn nợ Ngân hàng là: Nợ gốc còn lại là 35.878.349 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn là 34.291.259 đồng. Bị đơn chị N đồng ý trả tiền nợ gốc và lãi tính theo lãi suất 1,2%/tháng nhưng Ngân hàng không đồng ý.

Xét việc chị N vay tiền của Ngân hàng mục đích kinh doanh cá nhân, chồng chị N là anh H không biết và không được sử dụng số tiền do chị N vay, nay Ngân hàng không yêu cầu anh H phải liên đới trả số nợ trên nên anh H không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến khoản vay nợ của chị N. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, cần buộc chị N phải trả Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc còn lại, tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 28-5-2019 là 70.169.608 đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 29-5-2019 đến ngày chị N trả nợ xong cho Ngân hàng với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 121, 122, 124, 290, 292, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về nội dung yêu cầu chị N thanh toán tiền phạt chậm trả phát sinh từ ngày 24-11-2017 đến khi chị N thanh toán hết các khoản nợ theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn số 20160623-101066-4572. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc chị Đỗ Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28-5-2019 là: nợ gốc 35.878.349 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn 34.291.259 đồng, tổng là 70.169.608 đồng.

Kể từ ngày 29-5-2019 cho đến khi thi hành án xong, chị Đỗ Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn số 20160623-101066-4572.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 3.508.480 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 1.450.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0003604 ngày 22-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (do ông Nguyễn Ngọc L nộp).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoài Thanh**